

BẢN SỐ: 02

THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đến ngày 12 tháng 10 năm 2024

UBND TỈNH SƠN LA
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46 /KL-TTr

Sơn La, ngày 01 tháng 10 năm 2024

MẬT

KẾT LUẬN

Thanh tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La và các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về: tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc quản lý, sử dụng tài sản công, các nguồn kinh phí của Trường

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/9/2024 của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 96/QĐ-TTr ngày 01/8/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc Thanh tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La và các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về: tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc quản lý, sử dụng tài sản công, các nguồn kinh phí của Trường; ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra;

Chánh Thanh tra tỉnh Kết luận như sau:

Phần I KHÁI QUÁT CHUNG

Trường Cao đẳng Sơn La (sau đây viết tắt là Trường) là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, là đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí thường xuyên (phần kinh phí tự đảm bảo của đơn vị được thực hiện từ hoạt động thu sự nghiệp). Ngày 05/7/2023, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 864/QĐ-BLĐ về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch tỉnh Sơn La và Trường Trung cấp Luật Tây Bắc vào Trường Cao đẳng Sơn La. Trường có chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và tổ chức các lớp bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn, bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng theo chu kỳ đối với cán bộ, công chức, viên chức và theo nhu cầu của xã hội; liên kết với các trường cao đẳng, đại học, viện, học viện, các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Tổng số cán bộ, viên chức của nhà trường: 291 người; cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường gồm Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Hội đồng khoa học - Đào tạo và 06 phòng chức năng (Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Công tác HSSV, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Đào tạo, Phòng Quản trị- Thiết bị, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng); 10 khoa (Khoa Bồi dưỡng, Khoa Đào tạo Quốc tế, Khoa cơ bản, Khoa Kinh tế, Khoa Kỹ thuật- Công nghệ, Khoa Luật -

Nội vụ, Khoa GDMN& GDPT, Khoa Nông lâm, Khoa Văn hoá - Du lịch, Khoa Nghệ thuật); 04 Cơ sở phục vụ đào tạo và NCKH (*Trung tâm Thông tin- Thư viện, Trung tâm Nghiên cứu, thực nghiệm- Ứng dụng CNC và Dịch vụ, Trung tâm Tuyển sinh- Hướng nghiệp& giới thiệu việc làm; Trung tâm thực hành, biểu diễn và tổ chức sự kiện*). Trong thời kỳ thanh tra, Kiểm toán nhà nước Khu vực VII đã tiến hành kiểm toán chi ngân sách năm 2021 đối với Trường, do vậy, Đoàn thanh tra chỉ tiến hành thanh tra việc sử dụng kinh phí năm 2022, 2023 và những nội dung chưa được kiểm toán.

Phần II

KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về địa điểm tiếp công dân, tổ chức tiếp công dân

1.1. Về tiếp công dân

Trường đã bố trí phòng tiếp công dân, ban hành và niêm yết nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp công dân năm 2013¹ (*Trong thời kỳ thanh tra có 01 lượt với 01 người đến Trường Cao đẳng để kiến nghị, phản ánh (tiếp thường xuyên)*).

Qua thanh tra xác định: Số tiếp công dân không đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 25 Luật tiếp công dân năm 2013, không ghi địa chỉ, thông tin giấy tờ tùy thân của công dân, không có chữ ký của người đến kiến nghị, phản ánh.

1.2. Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh

- Tổng số đơn tiếp nhận trong năm 2021-2023 là 05 đơn kiến nghị phản ánh.

Tổng số đơn đã xử lý là 05 đơn. Trong đó: hướng dẫn gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết 02 đơn, trả lời 02 đơn, giải quyết theo quy trình giải quyết khiếu nại 01 đơn.

Qua kiểm tra kết quả xử lý 05 đơn kiến nghị cho thấy, đơn vị cơ bản đã xử lý, giải quyết kịp thời, đúng quy định. Tuy nhiên, Trường ban hành Quyết định (*số 933/QĐ-CĐSL ngày 08/11/2023*) giải quyết khiếu nại đối với đề nghị của công dân không đúng thẩm quyền, do nội dung trong đơn là tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng số 149/HĐ-VHNT&DL ngày 24/5/2019 giữa công dân với Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch tỉnh Sơn La là quan hệ giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

¹Hiệu trưởng tiếp định kỳ vào thứ 6 tuần cuối hằng tháng. Công tác tiếp công dân thường xuyên được giao cho Phòng Khảo thí và đảm bảo vào chất lượng tiếp vào các ngày làm việc trong tuần.

II. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

1. Việc ban hành, thực hiện kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng và Kế hoạch phòng, chống tham nhũng của UBND tỉnh, Trường đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm đảm bảo đúng thẩm quyền, nội dung Kế hoạch gắn với trách nhiệm cụ thể của từng khoa, phòng. Kết quả thanh tra cho thấy, Hiệu trưởng đã chỉ đạo các khoa, phòng trực thuộc tổ chức thực hiện tốt nội dung Kế hoạch PCTN.

2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

2.1. Việc thực hiện biện pháp công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã thực hiện việc công khai, minh bạch: Dự toán, quyết toán NSNN, chỉ tiêu biên chế, tuyển sinh, thông tin tuyển dụng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm; quy hoạch cán bộ. Thời điểm công khai, hình thức công khai đúng quy định (*công khai tại cuộc họp, trên website của Trường, Báo Sơn La, trên hệ thống tcdsonla.vnptoffice.vn*).

2.2. Việc xây dựng định mức, tiêu chuẩn, chế độ; việc công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; việc thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Căn cứ quy định của pháp luật, Trường đã xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công để thực hiện, quy định chế độ làm việc của giảng viên, quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, trang thiết bị. Quy chế quy định rõ định mức, tiêu chuẩn, chế độ đối với việc chức trong thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với pháp luật hiện hành và điều kiện thực tế của Trường. Về cơ bản, Trường thực hiện tốt quy chế và công khai thực hiện quy chế theo quy định.

2.3. Việc chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, Trường đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi với 09 vị trí công tác (*năm 2021: Kế hoạch số 58/KH-CĐSL ngày 16/02/2021 chuyển đổi 02 vị trí; năm 2022: Kế hoạch số 38A/KH-CĐSL ngày 11/02/2022 chuyển đổi 03 vị trí. Năm 2023: Kế hoạch số 10A/KH-CĐSL ngày 13/01/2023, chuyển đổi 03 vị trí. Năm 2024: Kế hoạch số 35/KH-CĐSL ngày 30/01/2024, chuyển đổi 01 vị trí*). Kết quả đã thực hiện chuyển đổi 08/09 vị trí, còn 01 vị trí của năm 2024 chưa thực hiện chuyển đổi theo Kế hoạch. Đã công khai Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm theo quy định.

Qua thanh tra xác định:

- Việc chuyển đổi vị trí công tác hàng năm chưa đúng nguyên tắc hoán đổi vị trí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ: “*Phải đúng nguyên tắc hoán vị, không ảnh hưởng đến tăng, giảm biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị*”;

- Có 01 trường hợp chưa đủ thời hạn chuyển đổi theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 1 Nghị định 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ: “*Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là từ 02 năm (đủ 24 tháng) đến 05 năm (đủ 60 tháng) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực*” nhưng vẫn chuyển đổi.

2.4. Việc xử lý và giải quyết phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng: Trong thời kỳ thanh tra, Trường không nhận được phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng.

3. Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và hướng dẫn của Thanh tra tỉnh, Trường đã thông báo danh sách người có nghĩa vụ phải kê khai, công khai tài sản, thu nhập lần đầu và hằng năm (*năm 2021 là 16 người, năm 2022 là 13 người, năm 2023 là 17 người*). Đã thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định.

III. Thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công

Theo phân cấp quản lý, tài sản công của Trường được giao quản lý, sử dụng gồm: Đất, nhà hiệu bộ, nhà giảng đường, nhà ký túc xá, nhà phục vụ công tác đào tạo chuyên môn, xe ô tô, máy móc, trang bị, thiết bị phục vụ công tác đào tạo và các tài sản công khác được ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành của pháp luật. Trong đó:

- Diện tích đất công do trường đang quản lý, sử dụng là 301.147,5 m². Trong đó: Đất Cơ sở 1 - Trụ sở chính (*Đất cơ sở giáo dục - đào tạo*) là 92.037,5 m²; Đất cơ sở 2 - Khu lâm viên là 209.110 m².

- Diện tích xây dựng các nhà hiệu bộ, nhà giảng đường, nhà ký túc xá, nhà phục vụ công tác đào tạo, chuyên môn là 56.998,8 m² với nguyên giá theo sổ sách kế toán là 128.252.780.271 đồng, giá trị còn lại tính đến thời điểm thanh tra là 68.169.909.692 đồng.

- Phương tiện xe ô tô, gồm: 03 xe ô tô. Tổng nguyên giá là 2.459.000.000 đồng, giá trị còn lại tính đến thời điểm thanh tra là 1.847.466.800 đồng.

- Máy móc, trang bị, thiết bị phục vụ công tác đào tạo là 1.614 đơn vị tài sản. Tổng nguyên giá 37.970.922.533 đồng, giá trị còn lại đến thời điểm thanh tra 28.811.311.957 đồng.

- Các tài sản cố định khác (*Bao gồm cả tài sản cố định vô hình*) là 64 đơn vị tài sản. Tổng nguyên giá 8.103.995.030 đồng, giá trị còn lại đến thời điểm thanh tra 7.157.323.376 đồng

Qua thanh tra xác định:

(1) Từ năm 2021 đến thời điểm thanh tra, Trường đã xây dựng, ban hành 03 quy chế quản lý và sử dụng tài sản công² theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; xây dựng và ban hành 04 quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, trang thiết bị chuyên dùng, dụng cụ, vật tư tiêu hao phục vụ công tác dạy và học tại trường³

(2) Trường đã tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công đúng mục đích được giao, mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm; từ năm 2021 đến thời điểm thanh tra, tài sản công hình thành sau đầu tư, mua sắm đã được Trường bàn giao đến các khoa, phòng chuyên môn để quản lý, sử dụng phục vụ công tác giảng dạy; đất công được sử dụng đúng mục đích, đúng ranh giới. Toàn bộ tài sản công được hạch toán kế toán, ghi nhận, tính giá trị hao mòn đúng quy định; đã thực hiện cập nhật đầy đủ dữ liệu quốc gia về tài sản công theo chỉ đạo của Bộ Tài chính và UBND tỉnh.

(3) Về việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản công của các đơn vị sáp nhập vào Trường:

Trên cơ sở Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc sắp xếp, điều chuyển tài sản công của Trường Trung cấp Luật Tây Bắc sau sáp nhập, Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chuyển tài sản công của Trường Cao đẳng Sơn La cho Trường Chính trị tỉnh và UBND thành phố Sơn La, Trường Cao đẳng Sơn La đã phối hợp với Trường Trung cấp luật Tây Bắc, Trường Chính trị tỉnh và UBND thành phố Sơn La tiến hành tiếp nhận, bàn giao tài sản. Về cơ bản, việc tiếp nhận, bàn giao tài sản công của trường với các đơn vị có liên quan được thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính. Sau tiếp nhận, Trường đã xây dựng phương án sắp xếp, sử dụng tài sản công và thực hiện bàn giao đến các khoa, phòng sử dụng phục vụ công tác dạy và học. Tuy nhiên, việc tiếp nhận, bàn giao giữa Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Trường Cao đẳng Sơn La đối với tài sản công của Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch còn chậm, đến thời điểm thanh tra vẫn chưa có Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản công của Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch, Trường Cao đẳng Sơn La mới

² (1) Quyết định số 414/QĐ-CĐSL ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại Trường Cao đẳng Sơn La; (2) Quyết định số 325/QĐ-CĐSL ngày 26/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Trường Cao đẳng Sơn La (Sửa đổi, bổ sung); (3) Quyết định số 761/QĐ-CĐSL ngày 04/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại Trường Cao đẳng Sơn La (Sửa đổi, bổ sung).

³ (1) Quyết định số 222/QĐ-CĐSL ngày 20/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị Trường Cao đẳng Sơn La; (2) Quyết định số 549/QĐ-CĐSL ngày 23/8/2022 về việc ban hành Quy định về quản lý, cấp phát và sử dụng dụng cụ, vật tư, hóa chất tiêu hao phục vụ đào tạo tại Trường Cao đẳng Sơn La; (3) Quyết định số 371/QĐ-CĐSL ngày 20/6/2022 về việc ban hành Định mức dụng cụ, vật tư, hóa chất phục vụ đào tạo các ngành nghề tại Trường Cao đẳng Sơn La; (4) Quyết định số 615/QĐ-CĐSL ngày 15/7/2024 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, trang thiết bị chuyên dùng của Trường Cao đẳng Sơn La.

thực hiện tạm tiếp nhận tài sản của Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch để phục vụ công tác đào tạo.

IV. Thanh tra công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí của Trường:

1. Công tác lập dự toán ngân sách

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 342/2016/TT-BTC 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính; căn cứ biên chế, chỉ tiêu tuyển sinh được giao, Trường đã tổ chức xây dựng dự toán ngân sách trình UBND tỉnh theo quy định. Về cơ bản dự toán đã xác định hết các nguồn thu, nhiệm vụ chi, bám sát định mức, tiêu chuẩn và kế hoạch đào tạo của nhà trường, dự toán lập đúng quy trình, quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Công tác chấp hành dự toán ngân sách

2.1. Việc chấp hành dự toán thu ngân sách

Năm 2022, UBND tỉnh giao Trường thực hiện tự chủ 49% ngân sách, tương ứng với giao chỉ tiêu thu 19.938.957.500 đồng; năm 2023, Trường được UBND tỉnh giao thực hiện tự chủ 36% ngân sách, tương ứng giao chỉ tiêu số thu 15.075.043.895 đồng. Kết quả thu năm 2022, 2023 của Trường như sau:

- Thu sự nghiệp năm 2022: 28.900.579.136 đồng (*đạt 144,9% so với dự toán giao*), trong đó: thu liên kết đào tạo 6.486.760.936 đồng; thu học phí chính quy 21.906.572.400 đồng; thu điện nước nội trú 261.225.800 đồng; thu đào tạo học sinh Lào tự túc 72.000.000 đồng; thu tiền ký túc xá 171.200.000 đồng; thu từ hoạt động khác 2.820.000 đồng;

- Thu sự nghiệp năm 2023: 21.734.757.038 đồng (*đạt 144,2% so với dự toán giao*), trong đó: thu liên kết đào tạo 7.812.609.869 đồng; thu học phí chính quy 13.129.166.331 đồng; thu điện nước nội trú 304.254.800 đồng; thu đào tạo học sinh Lào tự túc 6.000.000 đồng; thu từ hoạt động đánh giá năng lực tiếng Việt: 322.500.000 đồng; thu tiền ký túc xá 134.302.000 đồng; thu từ hoạt động khác 25.924.038 đồng.

Qua thanh tra xác định: Trường đã tổ chức thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thu phát sinh. Kết quả thu sự nghiệp đều vượt dự toán được giao, các nguồn thu được tổ chức theo dõi, quản lý theo đúng quy định

2.2. Việc chấp hành dự toán chi ngân sách

* UBND tỉnh giao dự toán chi ngân sách để Trường thực hiện nhiệm vụ năm 2022, 2023 như sau:

(1) Năm 2022 giao chi ngân sách: 104.378.566.798 đồng. Trong đó:

- Thực hiện tự chủ: 24.002.071.678 đồng.

- Thực hiện không tự chủ: 80.376.496.120 đồng (Trong đó: Chi chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên, chi sửa chữa cơ sở vật chất: 59.682.625.120 đồng; Chi hỗ trợ đào tạo lưu học sinh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 8.512.870.000 đồng; Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 12.181.000.000 đồng).

(2) Năm 2023, giao chi ngân sách: 145.180.748.727 đồng. Trong đó:

- Thực hiện tự chủ: 19.437.808.116 đồng.

- Thực hiện không tự chủ: 125.742.940.611 đồng (Trong đó: Chi chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên, chi sửa chữa cơ sở vật chất, chi thực hiện số hóa chương trình, giáo trình, tài liệu: 61.675559.100 đồng; Chi hỗ trợ đào tạo lưu học sinh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 14.694.680.311 đồng; Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 49.372.701.200 đồng).

* Kết quả thực hiện: Năm 2022, 2023, Trường đã tổ chức chi ngân sách với tổng số tiền 226.010.647.545 đồng (Gồm chi thường xuyên thực hiện tự chủ 43.124.745.560 đồng, chi thường xuyên thực hiện không tự chủ 182.885.901.985 đồng). Trong đó, năm 2022 chi 95.409.065.941 đồng, đạt 91,4% dự toán được giao, năm 2023 chi 130.601.581.604 đồng, đạt 89,9% dự toán được giao.

Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra hồ sơ chi ngân sách từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện tự chủ và một số hồ sơ chi ngân sách từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện không tự chủ. Kết quả:

2.2.1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện tự chủ

Tổng kinh phí đã sử dụng năm 2022-2023 là 43.124.745.560 đồng (Năm 2022 chi 23.691.425.667 đồng, năm 2023 chi 19.433.319.893 đồng), nội dung chi chủ yếu gồm: Lương, các khoản phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương cho 291 cán bộ, viên chức; chi cơ sở đào tạo phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo cho 331 lưu học sinh Lào theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ lưu học sinh các tỉnh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Kết quả kiểm tra cho thấy, Trường đã cơ bản chấp hành đúng các quy định trong chi ngân sách, nội dung chi bám sát dự toán được giao, đảm bảo các hoạt động thường xuyên của đơn vị. Các khoản chi cho viên chức, người lao động (Lương, các khoản phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, khen thưởng, phúc lợi tập thể), chi cho cơ sở đào tạo lưu học sinh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định.

Tuy nhiên, trong năm 2023, đơn vị chi thanh toán phụ cấp cấp ủy từ nguồn ngân sách Nhà nước không đúng quy định, số tiền 71.073.000 đồng, đã được Sở Tài chính xuất toán trong quá trình quyết toán ngân sách.

2.2.2. Đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện không tự chủ

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã tổ chức chi từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện không tự chủ, tổng số tiền 182.885.901.985 đồng (Năm 2022 chi 71.717.640.274 đồng, năm 2023 chi 111.168.261.711 đồng), trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ, số tiền 86.199.411.209 đồng (năm 2022 chi 49.080.947.400 đồng, năm 2023 chi 37.118.463.809 đồng).

- Kinh phí chi hỗ trợ đào tạo lưu học sinh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, số tiền 22.862.839.691 đồng (năm 2022 chi 8.491.390.000 đồng, năm 2023 chi 14.371.449.691 đồng).

- Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016-2020, số tiền 41.172.372.330 đồng (năm 2022 chi 4.416.641.000 đồng, năm 2023 chi 36.755.731.330 đồng).

- Kinh phí thực hiện bảo dưỡng, cơ sở hạ tầng và thực hiện một số nhiệm vụ khác, số tiền 32.651.278.755 đồng (năm 2022 chi 9.728.661.874 đồng, năm 2023 chi 22.922.616.881 đồng).

Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra, xác minh tại hiện trường đối với 16 công trình bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng⁴, 04 dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo⁵, 04 dự án ứng dụng công nghệ thông tin⁶, 03 nội dung hỗ trợ số hóa, phát triển chương trình, giáo trình, học liệu, đào

⁴ Gồm 16 dự án, trong đó:

- 03 công trình thuộc nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, gồm: (1) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học năm 2023 (Nhà thí nghiệm, Thư viện 3 tầng); (2) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học năm 2023 (Nhà lớp học chuyên dùng B4); (3) Công trình Sửa chữa bảo dưỡng Nhà B3 năm 2024.

- 04 công trình thuộc nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: (1) Công trình đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - Trường Cao đẳng Sơn La năm 2022; (2) Công trình Sửa chữa bảo dưỡng nhà ăn 2 tầng năm 2023; (3) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng nhà ký túc xá A1 năm 2024; (4) Dự án Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà Hội trường 900 năm 2024.

- 09 công trình thuộc nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện không tự chủ của đơn vị: (1) Công trình di chuyển 03 nhà lười năm 2021; (2) Công trình Sửa chữa nhà lớp học B2 năm 2022; (3) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng nhà B0 năm 2023; (4) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng nhà B1 năm 2023; (5) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng nhà ký túc xá A4 năm 2023; (6) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng nhà ký túc xá A2 năm 2023; (7) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng tường rào (Giáp phần đất thu hồi); (8) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng nhà ký túc xá A3 năm 2024; (9) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng nhà hiệu bộ năm 2024.

⁵ Gồm 04 dự án, trong đó:

- 02 dự án thuộc nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, gồm: (1) Dự án Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - Trường Cao đẳng Sơn La - Bổ sung năm 2023; (2) Dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - Trường Cao đẳng Sơn La năm 2023.

- 01 dự án thuộc nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: (1) Dự án mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo năm 2023 đối với Trường Cao đẳng Sơn La.

- 01 dự án thuộc nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động: (1) Dự án Mua sắm trang thiết bị dạy nghề trọng điểm Trường Cao đẳng Sơn La năm 2022.

⁶ Gồm 04 dự án, trong đó:

tạo đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề theo Chương trình mục tiêu quốc gia Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030⁷, kiểm tra hồ sơ thực hiện chi trả chế độ, chính sách cho học viên. Kết quả kiểm tra cụ thể như sau:

*** Đối với việc thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên:**

Trong năm 2022, 2023 Trường đã thực hiện chi trả tổng số 109.062.250.900 đồng (trong đó Năm 2022: 57.572.337.400 đồng, Năm 2023: 51.489.913.500 đồng) để thực hiện các chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên (*Bao gồm cả chế độ, chính sách cho lưu học sinh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*). Cụ thể:

Chi trả trợ cấp xã hội theo quy định tại Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ với định mức 140.000 đồng/người/tháng cho 6.375 học sinh, sinh viên (*Năm 2022: 3.051 học sinh, sinh viên, Năm 2023: 3.324 học sinh, sinh viên*) là người dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn theo học các lớp chính quy, dài hạn tại trường; Chi trả chính sách khuyến khích học tập theo quy định tại Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La cho 1.970 học sinh, sinh viên (*Năm 2022: 959 học sinh, sinh viên, Năm 2023: 1.011 học sinh, sinh viên*) thuộc diện người dân tộc thiểu số (*Định mức 447.000 đồng/người/tháng*), 2.262 học sinh, sinh viên (*Năm 2022: 1.059 học sinh, sinh viên, Năm 2023: 1.203 học sinh, sinh viên*) thuộc diện vùng đặc biệt khó khăn và là người dân tộc Mông, Dao, Kháng, Khơ Mú, Sinh Mun, Lào (*Định mức 596.000 đồng/người/tháng*); Chi trả chính sách nội trú (*Học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác*) cho 2.233 học sinh, sinh viên (*Năm 2022: 989 học sinh, sinh viên, Năm 2023: 1.244 học sinh, sinh viên*) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn với định mức từ 60% đến 100% mức lương cơ sở tùy từng đối tượng theo quy định; Chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ cho 45 học sinh, sinh viên (*Năm 2022: 20 học sinh, sinh viên, Năm 2023: 25 học sinh, sinh viên*) là người dân tộc thiểu số rất ít người với định mức 100% mức lương cơ sở/người/tháng; Chi trả tiền hỗ trợ chi phí sinh hoạt theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 cho 119 sinh viên sư phạm (*Năm 2022: 99 sinh viên, Năm 2023: 98 sinh viên*) với định mức 3.630.000 đồng/người/tháng. Ngoài ra, trường thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho 6.590 học sinh, sinh viên (*Năm 2022: 2.895 học sinh, sinh viên, Năm 2023: 3.695 học sinh, sinh viên*) theo quy định tại Nghị

- 03 dự án thuộc nguồn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, gồm: (1) Dự án Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dạy học trực tuyến Trường Cao đẳng Sơn La năm 2022; (2) Dự án Nâng cấp, bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin năm 2023; (3) Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy và học Trường Cao đẳng Sơn La năm 2023.

- 01 dự án thuộc nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện không tự chủ: (1) Số hóa chương trình, giáo trình tài liệu Trường Cao đẳng Sơn La năm 2023.

⁷ Gồm 03 nội dung hỗ trợ: (1) Nội dung: Số hóa chương trình, giáo trình, học liệu và phát triển chương trình giáo trình, tài liệu giảng dạy thuộc chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023; (2) Nội dung: Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy thuộc chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 - Bổ sung; (3) Nội dung: Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023.

định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

Đối với Lưu học sinh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, trường đã thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 92/2019/NQ-HĐND ngày 28/02/2019 của HĐND tỉnh Sơn La cho 1.192 lưu học sinh (*Năm 2022: 503 lưu học sinh, Năm 2023: 689 lưu học sinh*), gồm hỗ trợ sinh hoạt phí 3.160.000 đồng/lưu học sinh/tháng, hỗ trợ sinh hoạt phí và chi phí đi lại 4.280.000 đồng/lưu học viên/tháng, hỗ trợ cấp ban đầu 2.500.000 đồng/người, hỗ trợ chi phí đi lại 3.000.000 đồng/người/khóa đào tạo.

Qua thanh tra xác định: Việc chi trả chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên được Trường thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người, Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định hỗ trợ đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm, Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục tỉnh Sơn La, Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh các tỉnh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Nghị quyết số 92/2019/NQ-HĐND ngày 28/02/2019 của HĐND tỉnh Sơn La về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Mục 2 Điều 1 Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La.

Tuy nhiên việc chi trả tiền chế độ trợ cấp xã hội theo Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ, tiền chính sách hỗ trợ học tập cho người dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ cho học sinh, sinh viên theo 02 đợt trong năm⁸ chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Mục II Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Phần 4 Thông tư số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội⁹, Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ¹⁰.

⁸ Năm 2023, chi trả trong 2 đợt: Đợt 1 vào tháng 6/2023, chi trả tiền chế độ của 03 tháng (Tháng 01, 02, 3). Đợt 2 vào tháng 11, 12/2023, chi trả tiền chế độ của các tháng còn lại.

⁹ Trợ cấp xã hội được cấp từng tháng và cấp 12 tháng trong năm.

¹⁰ Các cơ sở giáo dục công lập chi trả tiền hỗ trợ học tập trực tiếp cho cha mẹ (hoặc người chăm sóc) trẻ mẫu giáo, cho học sinh, sinh viên. Việc chi trả thực hiện theo tháng.

*** Việc thực hiện các công trình bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng:**

Đơn vị cơ bản thực hiện đúng quy định trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (*Lập dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, khảo sát thiết kế, lập dự toán, xác định giá gói thầu, lựa chọn nhà thầu*). Trình tự thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo, thẩm quyền phê duyệt đúng quy định, lựa chọn nhà thầu cơ bản đúng quy định, tổ chức thi công cơ bản đảm bảo thiết kế được duyệt, công tác quản lý chất lượng, tiến độ, nghiệm thu thanh toán tuân thủ theo quy định. Tại thời điểm thanh tra có 10 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, hiện trạng ổn định, vận hành bình thường, phát huy hiệu quả, có 02 công trình đang thi công dở dang, 04 công trình đã thẩm định phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán, đang thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu.

Tuy nhiên, qua thanh tra xác định một số tồn tại, hạn chế sau:

- Một số công trình hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng¹¹.

- Nhật ký thi công ghi thiếu thông tin theo quy định tại Khoản 3 Phụ lục IIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ (*Nhiệt độ, thời tiết, các thông tin khác có liên quan*)¹².

- Thời gian và tiến độ thực hiện trong Hợp đồng xây lắp không thể hiện các mốc hoàn thành, bàn giao các công việc, sản phẩm chủ yếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ. Hợp đồng chưa thể hiện người ký biên bản, tài liệu nghiệm thu, bàn giao theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ. Hợp đồng không ghi ngày khởi công, ngày hoàn thành, giá trị hợp đồng, số lần thanh toán theo từng đợt¹³.

¹¹ (1) Công trình Cải tạo, sửa chữa ký túc xá lưu học sinh Lào; (2) Công trình cải tạo, sửa chữa nâng cấp tường rào khu lâm viên Trường Cao đẳng Sơn La; (3) Công trình Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học của Trường Cao đẳng Sơn La (*Nhà thí nghiệm – Thư viện 3 tầng*); (4) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng nhà B1; (5) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà B0; (6) Công trình Sửa chữa bảo dưỡng nhà Ký túc xá A2; (7) Công trình Cải tạo, sửa chữa nhà B4; (8) Công trình Sửa chữa bảo dưỡng nhà ăn 2 tầng; (9) Công trình Cải tạo, sửa chữa Hội trường 900 chỗ.

¹² (1) Công trình Cải tạo, sửa chữa ký túc xá Lưu học sinh Lào; (2) Công trình Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tường rào khu lâm viên Trường Cao đẳng Sơn La; (3) Công trình Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học của Trường Cao đẳng Sơn La (*Nhà thí nghiệm, Thư viện 3 tầng*); (4) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà B1; (5) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà B0; (6) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà ký túc xá A2; (7) Công trình Cải tạo, sửa chữa Nhà B4; (8) Công trình Sửa chữa bảo dưỡng Nhà ăn 2 tầng; (9) Công trình Cải tạo, sửa chữa Hội trường 900 chỗ.

¹³ (1) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà ký túc xá A4; (2) Công trình Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học của Trường Cao đẳng Sơn La (*Nhà thí nghiệm – Thư viện 3 tầng*); (3) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà B1; (4) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà ký túc xá A1; (5) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà ký túc xá A2; (6) Công trình Cải tạo, sửa chữa Nhà B4; (7) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà ăn 2 tầng.

- Nhà thầu thi công chưa báo cáo Chủ đầu tư đầy đủ về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của Hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan¹⁴.

- Lập dự toán hạng mục cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt xà dầm thuộc Dự án đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - Trường Cao đẳng Sơn La năm 2022 và công trình sửa chữa, bảo dưỡng nhà ký túc xá A3 năm 2024 chưa đúng, số tiền: 19.085.262 đồng (có biểu số 01 kèm theo).

*** Đối với việc thực hiện các dự án mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo:**

Về cơ bản, các dự án được triển khai đúng thẩm quyền mua sắm theo phân cấp được quy định tại Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019, Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 19/11/2021 của HĐND tỉnh Sơn La. Danh mục, tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị, hàng hóa mua sắm được thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 20/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17/6/2015, Thông tư số 26/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019, Thông tư số 15/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành nghề, Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La. Công tác lập dự toán, xác định giá gói thầu được thực hiện trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 14/11/2022 của Bộ Tài chính¹⁵. Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án được

¹⁴ (1) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà ký túc xá A4; (2) Công trình Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học của Trường Cao đẳng Sơn La (*Nhà thí nghiệm – Thư viện 3 tầng*); (3) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà B1; (4) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà ký túc xá A1; (5) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà ký túc xá A2; (6) Công trình Cải tạo, sửa chữa Nhà B4; (7) Công trình Sửa chữa, bảo dưỡng Nhà ăn 2 tầng.

¹⁵ 2. Giá gói thầu:

a) Trên cơ sở dự toán mua sắm được phê duyệt, giá gói thầu được xác định căn cứ ít nhất một trong các tài liệu sau đây để sát giá thị trường:

- Giá thị trường được tham khảo từ ít nhất 03 báo giá của các nhà cung cấp khác nhau trên địa bàn tại thời điểm gần nhất, tối đa không quá 90 ngày trước ngày trình cơ quan thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu; trong trường hợp không đủ 03 nhà cung cấp trên địa bàn có thể tham khảo trên địa bàn khác hoặc từ các nguồn thông tin do cơ quan có thẩm quyền, tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam công bố;

- Kết quả thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải thẩm định giá theo quy định của Luật giá;

- Giá trúng thầu của gói thầu mua sắm loại hàng hóa tương tự trong thời gian trước đó gần nhất, tối đa không quá 90 ngày;

Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì ghi rõ giá ước tính cho từng phần trong giá gói thầu.

b) Trường hợp có căn cứ xác định giá thị trường có sự biến động so với giá đã được phê duyệt (tham khảo từ các báo giá, kết quả thẩm định giá, giá trúng thầu của gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự), người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu quyết định việc cập nhật giá gói thầu trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết.

thực hiện bằng hình thức Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

Qua kiểm tra, xác minh thực tế cho thấy các trang, thiết bị đảm bảo đủ về số lượng, mẫu mã, quy cách, thông số kỹ thuật, mã hiệu, ký hiệu, lắp đặt, cài đặt đúng cam kết theo hợp đồng; các trang thiết bị đã được đưa vận hành, sử dụng, khai thác phục vụ nhiệm vụ đào tạo của nhà trường.

*** Đối với việc thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin:**

Các dự án được triển khai thực hiện cơ bản đảm bảo theo các quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Trình tự thủ tục thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin được theo các quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Việc lập đề cương, dự toán dự án được đơn vị thực hiện cơ bản bám sát với nhu cầu, điều kiện thực tế của đơn vị, định mức kinh tế - kỹ thuật lập dự toán dự án đảm bảo theo các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin được thực hiện đúng quy định. Qua kiểm tra, xác minh một số trang thiết bị mua sắm phục vụ dự án, kiểm thử một số tính năng, chức năng của hệ thống phần mềm dạy học trực tuyến, việc số hóa, tạo lập dữ liệu cho thấy, các thiết bị đã đảm bảo về số lượng, mẫu mã, quy cách, thông số kỹ thuật, mã hiệu, ký hiệu, đúng với Hợp đồng cung ứng, Biên bản nghiệm thu, bàn giao; cơ sở dữ liệu, chương trình, giáo trình, tài liệu đã được số hóa sang dạng phẩm mềm mô phỏng 3D, phần mềm dạy học trực tuyến đã được xây dựng đủ chức năng, tính năng theo yêu cầu, đã vận hành, sử dụng, khai thác phục vụ nhiệm vụ đào tạo của nhà trường, đặc biệt là phục vụ đào tạo trực tuyến một số môn học của các lớp trung cấp nghề liên kết đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên các huyện.

Tuy nhiên, công tác lập dự toán đối với phần chi phí lắp đặt, cài đặt đối với dự án Nâng cấp, bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin năm 2023 còn có sai sót, dẫn đến nghiệm thu thanh toán chưa đúng, số tiền 26.096.400 đồng¹⁶.

c) Trường hợp quy định pháp luật chuyên ngành có quy định về xác định giá gói thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

¹⁶ - Công Lắp đặt + Cài đặt thiết bị chuyển mạch loại lớn (Enterprise và Carrier) - Thiết bị IP/ATM Switch cho 28 thiết bị là không đúng với hồ sơ, dự toán và thực tế triển khai dự án. Theo đề cương, dự toán và thực tế triển khai dự án, đơn vị chỉ thực hiện mua sắm 24 thiết bị chuyển mạch; Chênh lệch (28-24) thiết bị x (2.178.000+1.980.000) đồng/thiết bị = 16.632.000 đồng.

- Công Lắp đặt tủ thiết bị mạng, tủ máy - Tủ máy chủ ≤ 15 U không thực hiện do đơn vị chỉ mua sắm tủ thiết bị mạng dưới 15U (01 tủ mạng hội trường, 20 tủ mạng cho 03 tòa làm thêm), không có tủ cho máy chủ; chênh lệch 21 tủ x 158.4000 đồng/tủ = 3.326.400 đồng.

- Công Lắp đặt + Cài đặt bộ điều khiển lưu trữ - RAID cho máy chủ cho 03 thiết bị, chưa đúng với quy định và thực tế triển khai dự án. Khối lượng dự toán, nghiệm thu, thanh toán là 03 thiết bị, tuy nhiên theo quy định tại Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông; bộ điều khiển được gắn trên thiết bị lưu trữ, thực tế chỉ mua sắm 01 thiết bị lưu trữ, do đó công Lắp đặt và Cài đặt cho 01 thiết bị lưu trữ, đơn vị lập công Lắp đặt và Cài đặt cho 03 thiết bị không đúng quy định và thực tế triển khai dự án. Chênh lệch = (03-01) thiết bị x (1.782.000+1.287.000) đồng/thiết bị = 6.138.000 đồng.

* **Đối với việc thực hiện các nội dung hỗ trợ khác** như hỗ trợ Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề, hỗ trợ phát triển chương trình, giáo trình, học liệu, hỗ trợ số hóa chương trình, học liệu: Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy, đơn vị thực hiện cơ bản đúng quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 3 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2.2.3. Việc chấp hành dự toán chi đối với nguồn kinh phí thu sự nghiệp:

Tổng kinh phí đã chi năm 2022, 2023: 38.854.251.805 đồng, trong đó: Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, công tác phí, chi chế độ cho các Hội đồng thi đánh giá năng lực, chi tiền tự đánh giá các chương trình đào tạo..... cho viên chức và người lao động 28.653.633.150 đồng; chi vật tư, công cụ, mua sắm sửa chữa trang thiết bị và dịch vụ phục vụ hoạt động thu sự nghiệp: 7.075.627.847 đồng; Chi phục vụ các hoạt động Hội thao, tuyên truyền, giới thiệu Sách, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chi học bổng khuyến khích học sinh, chi phối hợp quản lý: 2.861.312.500 đồng; Chi nộp thuế theo quy định: 263.678.308 đồng; trích lập nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2022, 2023: 9.521.430.600 đồng; trích lập các quỹ (*Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp*) năm 2022, 2023 là 4.097.420.429 đồng.

Về cơ bản các khoản chi cho viên chức, người lao động đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn; chi mua sắm vật tư văn phòng, thanh toán công tác phí, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, chi phí hoạt động chuyên môn, chi khen thưởng học bổng cho học sinh, sinh viên, học viên cơ bản tuân thủ quy định của Nhà nước, Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện trích lập nguồn cải cách tiền lương và các quỹ cơ bản đúng quy định.

Tuy nhiên, năm 2022, Trường sử dụng nguồn thu học phí hệ chính quy (*trình độ trung cấp, cao đẳng*) để thanh toán tiền thiết kế, biên soạn chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng chưa đúng nguồn theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Nội dung này đã được Trường tiếp thu, chủ

động khắc phục điều chỉnh nguồn ngay trong quá trình thanh tra, đảm bảo đúng quy định.

3. Công tác quyết toán ngân sách

Trường cơ bản chấp hành đúng các quy định trong quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính quý, năm được lập đầy đủ, đúng thời gian, đúng biểu mẫu theo quy định về hướng dẫn, xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán. Việc chuyển nguồn ngân sách được thực hiện đúng quy định.

Phần III KẾT LUẬN

I. Ưu điểm

Trong thời kỳ thanh tra, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La đã có nhiều cố gắng trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề trình độ: Cao đẳng, Trung cấp, sơ cấp, đáp ứng được yêu cầu của tỉnh, phục vụ kịp thời cho sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh và các tỉnh Bắc Lào. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực triển khai cơ bản đúng quy định; Công tác quản lý, sử dụng ngân sách cơ bản tuân thủ quy định của pháp luật. Các khoản thu sự nghiệp được khai thác, quản lý, sử dụng cơ bản đảm bảo đúng quy định, thu sự nghiệp vượt tỷ lệ được giao; chi ngân sách đúng nhiệm vụ chi, cơ bản đúng định mức, tiêu chuẩn. Chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh, sinh viên đảm bảo đúng quy định; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được triển khai đồng bộ, đúng quy định cơ bản đáp ứng yêu cầu về đào tạo. Việc quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo, tài sản công được sử dụng đúng mục đích, đúng nhiệm vụ được giao.

II. Tồn tại, khuyết điểm

1. Công tác tiếp công dân có nội dung còn chưa đảm bảo, sổ ghi chép tiếp công dân chưa thể hiện đầy đủ thông tin của công dân theo quy định. Giải quyết nội dung khiếu nại của công dân về tranh chấp dân sự không đúng thẩm quyền. Việc chuyển đổi vị trí công tác đối với một số viên chức chưa đảm bảo nguyên tắc theo quy định.

2. Chưa thường xuyên phối hợp với các cơ quan có liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản công của Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch dẫn đến việc bàn giao tài sản của Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch còn chậm.

3. Thanh toán phụ cấp cấp ủy từ nguồn ngân sách Nhà nước không đúng quy định (*Nội dung này đã được Sở Tài chính xuất toán trong quá trình quyết toán ngân sách*); Sử dụng nguồn thu học phí hệ chính quy trình độ trung cấp, cao đẳng để thanh toán tiền thiết kế, biên soạn chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng chưa đúng nguồn theo quy định (*Nội dung này Trường đã khắc phục điều chỉnh nguồn ngay trong quá trình thanh tra, đảm bảo đúng quy định*).

4. Chi trả tiền chế độ trợ cấp xã hội theo Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ, tiền chính sách hỗ trợ học tập cho người dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ cho học sinh, sinh viên chưa đảm bảo đúng thời gian quy định.

5. Nghiệm thu thanh toán chi phí lắp đặt, cài đặt đối với dự án Nâng cấp, bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin năm 2023 không đúng thực tế thi công, số tiền 26.096.400 đồng. Lập dự toán hạng mục cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt xà dầm thuộc Dự án đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - Trường Cao đẳng Sơn La năm 2022 và Công trình sửa chữa, bảo dưỡng nhà ký túc xá A3 năm 2024 chưa đúng, số tiền: 19.085.262 đồng.

III. Trách nhiệm

1. Trách nhiệm tập thể

Tập thể Ban Giám hiệu nhà trường chịu trách nhiệm đối với các tồn tại theo kết quả thanh tra đã xác định.

2. Trách nhiệm cá nhân

- Hiệu trưởng với trách nhiệm người đứng đầu chịu trách nhiệm chung về các tồn tại, thiếu sót theo kết quả thanh tra xác định.

- Kế toán và các cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm về các tồn tại theo kết quả qua thanh tra đã xác định.

Phần IV

KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Xử lý: Căn cứ Luật Thanh tra, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; báo cáo giải trình của đơn vị, xử lý như sau:

1. Về kinh tế

1.1. Thu hồi số tiền 23.724.000 đồng do nghiệm thu thanh toán chi phí lắp đặt, cài đặt không đúng đối với dự án Nâng cấp, bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin năm 2023 (đã giảm trừ Thuế VAT).

1.2. Giảm trừ trong thanh toán số tiền 13.014.235 đồng đối với Dự án đầu tư cơ sở vật chất phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn - Trường Cao đẳng Sơn La năm 2022.

1.3. Điều chỉnh giảm giá trị dự toán đối với Công trình sửa chữa, bảo dưỡng nhà ký túc xá A3 năm 2024, giá trị 6.071.027 đồng.

(Chi tiết có biểu số 01 kèm theo)

2. Về trách nhiệm

Tổ chức xem xét trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; quản lý, sử dụng ngân sách và các nguồn kinh phí đã xác định tại Mục II Phần III của Kết luận.

II. Yêu cầu

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; công tác quản lý, sử dụng ngân sách để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế, vi phạm (nếu có).

2. Chủ động phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch, Sở Tài chính trình UBND tỉnh phương án xử lý tài sản công của Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch, sớm hoàn tất việc tiếp nhận, bàn giao tài sản của Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch.

3. Tổ chức tiếp thu, thực hiện nghiêm túc Kết luận thanh tra, xây dựng Kế hoạch thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định; lập hồ sơ gửi về Phòng Giám sát, kiểm tra và Xử lý sau thanh tra - Thanh tra tỉnh trước ngày 10/11/2024.

Trên đây là Kết luận thanh tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La và các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về: tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc quản lý, sử dụng tài sản công, các nguồn kinh phí của Trường. Yêu cầu Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La, các đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh về Thanh tra tỉnh trước ngày 10/11/2024. Giao Phòng Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ủy Ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức tỉnh ủy;
- Trường Cao đẳng Sơn La;
- Phòng Giám sát, kiểm tra & XLSTT - Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HS Đoàn (VT09b).

**Tài liệu được phép sao chụp theo quy định*

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Minh Hòa